

Về phát triển nông nghiệp Việt Nam và một số vấn đề đặt ra hiện nay

Nguyễn Thị Hoài^(*)

Tóm tắt: Trong những năm thực hiện đường lối đổi mới, các chủ trương, chính sách phát triển nông nghiệp của Việt Nam đã tạo được sự thay đổi căn bản. Các nguồn lực của nền sản xuất nông nghiệp đã được giải phóng mạnh mẽ, nền nông nghiệp đã đạt được những thành tựu to lớn. Tuy nhiên, thực tế phát triển của nền nông nghiệp Việt Nam đang xuất hiện nhiều vấn đề phức tạp đòi hỏi phải được giải quyết. Nội dung bài viết khái quát sự phát triển của nền nông nghiệp Việt Nam trước và sau Đổi mới, đặc biệt là những chủ trương, chính sách kịp thời của Đảng và Nhà nước trong quá trình phát triển nền nông nghiệp nước nhà, và chỉ ra một số vấn đề nảy sinh trong giai đoạn hiện nay.

Từ khóa: Nông nghiệp Việt Nam, Chính sách nông nghiệp, Đường lối đổi mới, Khoản 10

1. Trong những năm trước Đổi mới, những chủ trương, chính sách kinh tế vĩ mô của Đảng Cộng sản Việt Nam có nhiều điểm không phù hợp, đặc biệt là trong lĩnh vực nông nghiệp.

Đảng rất chú ý đến vấn đề hợp tác hóa, coi hợp tác hóa nông nghiệp là một cuộc vận động cách mạng nhằm biến chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất trong nông nghiệp thành chế độ sở hữu tập thể XHCN. Trong một thời gian nhất định, ở miền Bắc nước ta có 3 thành phần kinh tế (quốc doanh, tập thể và cá thể), ở miền Nam có 5 thành phần kinh tế (quốc doanh, tập thể, công tư hợp doanh, cá thể và tư bản tư nhân) (Đảng

Cộng sản Việt Nam, 1982, Tập 1, tr.67). Nhưng trên thực tế, chúng ta không thực sự tạo điều kiện cho kinh tế tư nhân tồn tại, phát triển. Do vậy, trong nông nghiệp, việc sản xuất theo mô hình hợp tác xã là chủ yếu. Với quá trình hợp tác hóa nông nghiệp, ruộng đất từ chỗ là tài sản riêng của người lao động bỗng chốc trở thành những tư liệu được tập thể hóa nên đã làm suy yếu đi một lực lượng sản xuất to lớn.

Những bất hợp lý trong chính sách kinh tế vĩ mô nói chung, lĩnh vực nông nghiệp nói riêng đã làm cho nền sản xuất trở nên trì trệ, lạm phát tăng cao, năm 1986 lạm phát 774,7% (Đảng Cộng sản Việt Nam, 1982, Tập 1, tr.477),

^(*) ThS., Học viện Khoa học xã hội.

năng suất lúa là 28,1 tạ/ha, sản lượng lúa là 16.002,9 nghìn tấn, chia bình quân đầu người thì năm 1986 chỉ đạt khoảng 2,6 tạ/người (Tổng cục Thống kê, 1987, tr.43). Ở một số địa phương, tình trạng còn trầm trọng hơn nhiều. Chẳng hạn như ở Hợp tác xã Đoàn Xá (Hải Phòng), từ khi đưa nông dân vào Hợp tác xã, năng suất chỉ đạt 60 kg/sào. Toàn hợp tác xã có 7.000 nhân khẩu mà mỗi vụ thu hoạch được 160 tấn thóc, bằng 1/6 sản lượng thông thường. Trong số lúa đó, phải nộp nghĩa vụ cho Nhà nước 100 tấn, số còn lại là 60 tấn được chia cho 7.000 nhân khẩu, nghĩa là mỗi người bình quân chỉ có khoảng 8,5 kg thóc trong 6 tháng (Xem: Đặng Phong, 2012, tr.213). Việt Nam vốn là một nước nông nghiệp đầy tiềm năng, nhưng trước những khó khăn của nền kinh tế, Việt Nam buộc phải nhập 528,5 nghìn tấn lương thực (quy thóc) vào năm 1986 (Xem: Đặng Phong, 2012, tr.267) để giải quyết tình trạng thiếu lương thực trầm trọng. Trong khi đó, ruộng đất hoang chiếm diện tích khá lớn, năm 1985 là 12.266,0 nghìn ha, chiếm khoảng 37,1% tổng diện tích các loại đất (Xem: Đặng Phong, 2012, tr.125-126).

Trước những khó khăn của nền kinh tế nói chung, nền sản xuất nông nghiệp nói riêng, tại Đại hội VI năm 1986, Đảng đã đề ra đường lối đổi mới toàn diện đất nước, mở ra một cơ hội lớn cho sự phát triển của đất nước nói chung, ngành nông nghiệp nói riêng.

2. Một nhận thức quan trọng được Đảng rút ra tại Đại hội VI là: “lực lượng sản xuất bị kìm hãm không chỉ trong trường hợp quan hệ sản xuất lạc hậu, mà cả khi quan hệ sản xuất phát triển không đồng bộ, có những yếu tố đi quá

xa so với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất. Tình hình thực tế của Việt Nam lúc bấy giờ đòi hỏi phải coi trọng những hình thức kinh tế trung gian, quá độ từ thấp đến cao, từ quy mô nhỏ đến quy mô lớn. Trong mỗi bước đi của quá trình cải tạo XHCN, phải đẩy mạnh việc xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, tạo ra lực lượng sản xuất mới, trên cơ sở đó tiếp tục đưa quan hệ sản xuất mới tiến lên hình thức và quy mô mới thích hợp để thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 1987, tr.57). Đây là đổi mới nhận thức về mặt lý luận quan trọng nhất, có ý nghĩa đột phá, mở đường và chỉ đạo cho toàn bộ quá trình đổi mới kinh tế, cho phép đa dạng hóa các hình thức sở hữu và các thành phần kinh tế.

Để cụ thể hóa chủ trương của Đảng tại Đại hội VI về đa dạng hóa các hình thức sở hữu và các thành phần kinh tế, hàng loạt các nghị quyết, các văn bản quy phạm pháp luật ra đời. Đặc biệt là ngày 9/3/1987, Hội đồng Bộ trưởng ban hành 2 Nghị định rất quan trọng là Nghị định số 27/NĐ về *kinh tế tư doanh* và Nghị định số 29/NĐ về *kinh tế gia đình*, cho phép phục hồi lại kinh tế tư nhân (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2006, Tập 48, tr.557-559).

Tuy nhiên, phải đến năm 1983 khi Khoản 10 ra đời thì những khó khăn, vướng mắc đó mới được giải quyết, mở ra cơ hội lớn cho sự phát triển của nền nông nghiệp.

Khoản 10 trong nông nghiệp thực chất là cách gọi tắt Nghị quyết số 10-NQ/TW của Bộ Chính trị ngày 5/4/1988 về *đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp*. Nghị quyết này thể hiện tư duy mới của Đảng về quản lý kinh tế nông nghiệp, là

một sự cải tiến sâu sắc về việc thực hiện chế độ khoán trong sản xuất nông nghiệp. Nghị quyết 10 đề cập đến nhiều nội dung khác nhau, nhưng có lẽ quan trọng nhất là chính sách đối với kinh tế cá thể, kinh tế tư nhân trong nông, lâm, ngư nghiệp: “Nhà nước công nhận sự tồn tại lâu dài và tác dụng tích cực của kinh tế cá thể tư nhân trong quá trình đi lên chủ nghĩa xã hội, thừa nhận tư cách pháp nhân, bảo đảm bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ trước pháp luật, bảo hộ quyền làm ăn chính đáng và thu nhập hợp pháp của các hộ cá thể tư nhân và quyền thừa kế sử dụng doanh nghiệp của con cái họ; tạo điều kiện và môi trường thuận lợi cho các thành phần này phát triển trồng trọt, chăn nuôi,... mọi hành vi xâm phạm các quyền nói trên đều phải xử lý theo pháp luật; các định kiến hẹp hòi đối với kinh tế cá thể, tư nhân phải được xóa bỏ” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2006, Tập 48, tr.112). Với Nghị quyết này, các hộ nông dân cá thể được khuyến khích bỏ vốn và sức lao động để mở mang sản xuất, được trao quyền sử dụng đất và phương tiện sản xuất lâu dài.

Nghị quyết còn khẳng định, hợp tác xã là tổ chức tự nguyện của nông dân, hộ nông dân là đơn vị sản xuất tự chủ, có quyền chủ động trong việc quyết định phương án sản xuất, “trừ phần nộp thuế bằng hiện vật (nếu có) và bán sản phẩm cho các tổ chức kinh tế quốc doanh theo hợp đồng kinh tế đã ký, các hộ cá thể, tư nhân được quyền tự do tiêu thụ sản phẩm ở nơi có lợi; các tổ chức kinh tế quốc doanh và tập thể muốn mua phải đúng nguyên tắc thuận mua vừa bán, không được ép cấp, ép giá. Các cơ sở kinh tế cá thể, tư nhân được quyền ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu cho các cơ

quan xuất nhập khẩu của Nhà nước” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2006, Tập 48, tr.117). Nghị quyết 10 đã tính đến lợi ích thực sự của người nông dân: người nông dân sau khi nộp thuế cho Nhà nước sẽ được hưởng toàn bộ phần lương thực, lúa gạo còn lại. Cách phân phối này đã thôi thúc người nông dân hăng say làm việc, thúc đẩy sản xuất phát triển. Như vậy, với Nghị quyết 10, hộ nông dân - vốn là hộ xã viên của hợp tác xã thời kỳ bao cấp - trở thành đơn vị sản xuất tự chủ theo cơ chế thị trường.

Năm 1993, Luật Đất đai được ban hành, đây tiếp tục là một bước tiến trong việc giải quyết mối quan hệ giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp. Cũng thời điểm này, Chính phủ ban hành Nghị định 64/CP về giao đất nông nghiệp (27/09/1993), Nghị định số 02/CP (05/07/1994) về giao đất lâm nghiệp cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân. Theo những văn bản pháp luật này, các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được giao đất nông nghiệp, lâm nghiệp, được sử dụng lâu dài vào mục đích sản xuất nông, lâm sản. Đặc biệt là với Luật Đất đai năm 1993 thì “hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất có quyền chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, thừa kế, thế chấp quyền sử dụng đất” (Luật Đất đai năm 1993, tr.7). Như vậy, quyền sử dụng đất của người nông dân được ghi nhận khá lớn, nó bao quát hầu hết các quyền lợi có từ đất đai, các hộ nông dân gần như có đầy đủ các quyền cần thiết đối với đất đai được Nhà nước giao sử dụng.

Năm 1994, tại Hội nghị Đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII, Đảng tiếp tục khẳng định thực hiện nhất quán chính sách phát triển kinh tế nhiều

thành phần. Hội nghị tiếp tục đặt ra vấn đề giao quyền sử dụng lâu dài đất đai, rừng,... cho người dân (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2007, Tập 53, tr.206-207).

Tiếp sau đó, năm 1996, Nhà nước đã ban hành Luật Hợp tác xã với mục đích tạo cơ sở pháp lý cho việc tổ chức và hoạt động của hợp tác xã trong nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo cơ chế thị trường. Với Luật này, các hợp tác xã nông nghiệp cũ - tập thể hóa tư liệu sản xuất - về cơ bản bị xóa bỏ, thay vào đó là các hợp tác xã kiểu mới, tức hợp tác xã cổ phần. Đây là sự biến đổi lớn quan hệ sản xuất của các hợp tác xã ở nông thôn, các hợp tác xã lúc này chủ yếu là hợp tác xã dịch vụ. Trong mô hình mới này, quan hệ quản lý giữa hợp tác xã dịch vụ với hộ nông dân đã có sự thay đổi căn bản. Xã viên hợp tác xã có quyền tham gia quản lý, kiểm tra, giám sát hợp tác xã và có quyền ngang nhau trong biểu quyết (Luật Hợp tác xã năm 1996, tr.9). Theo các quy định của Luật, quan hệ giữa hợp tác xã dịch vụ với các hộ xã viên được thực hiện theo cơ chế thị trường, trao đổi tự do; quan hệ phân phối sản phẩm được thực hiện theo kết quả lao động, theo cổ phần.

Với hai lần sửa đổi, bổ sung tiếp sau đó vào các năm 1998 và 2001, quyền của người sử dụng đất hầu như không thay đổi. Tuy nhiên, đến Luật Đất đai năm 2003, quyền của người sử dụng đất đã được mở rộng thêm một bước. Điều 46 của Luật quy định rõ: “người sử dụng đất thực hiện quyền chuyển đổi, chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho, cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất; thế chấp, bảo lãnh, góp vốn bằng quyền sử dụng đất theo luật này” (Luật Đất đai năm 2003 (sửa đổi bổ sung năm 2009), tr.66).

Như vậy, so với Luật Đất đai năm 1993, được sửa đổi, bổ sung năm 1998 và 2001 thì người sử dụng đất được bổ sung thêm các quyền: tặng cho, cho thuê lại quyền sử dụng đất, bảo lãnh, góp vốn bằng quyền sử dụng. Với các quyền này, người sử dụng đất hầu như có mọi quyền của một chủ sở hữu thực thụ, chỉ trừ quyền định đoạt cuối cùng. Đây là điều kiện quan trọng để nguồn lực đất đai phát huy vai trò, tham gia tích cực vào quá trình sản xuất kinh doanh.

Ngày 28/11/2013, Hiến Pháp sửa đổi được Quốc hội thông qua. Với bản Hiến pháp này, đất đai - một tư liệu sản xuất đặc biệt quan trọng trong lĩnh vực nông nghiệp - được khẳng định rõ ràng tại Điều 54: “Đất đai là tài nguyên đặc biệt của quốc gia, nguồn lực quan trọng phát triển đất nước, được quản lý theo pháp luật... Nhà nước thu hồi đất do tổ chức, cá nhân đang sử dụng trong trường hợp thật cần thiết do luật định vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng. Việc thu hồi đất phải công khai, minh bạch và được bồi thường theo quy định của pháp luật” (Hiến pháp năm 2013, tr.28). Như vậy, bên cạnh việc xác định rõ đất đai là tài nguyên đặc biệt của quốc gia, Hiến pháp cũng xác định rõ ràng mục đích của việc thu hồi đất, qua đó khắc phục tình trạng thu hồi đất một cách tùy tiện, tràn lan, gây bức xúc dư luận.

Ngày 29/11/2013, Luật Đất đai sửa đổi được thông qua. Điều 14 của Luật tiếp tục khẳng định “Đất đai thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý. Nhà nước trao quyền sử dụng đất cho người sử dụng đất theo quy định của Luật này” (Luật Đất đai năm 2013, tr.12). Luật

này là sự cụ thể hóa nhiều nội dung quan trọng của Hiến pháp sửa đổi năm 2013 với nhiều điểm mới, điển hình là việc mở rộng thời hạn giao đất và hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân, đáp ứng yêu cầu tích tụ đất đai phục vụ sản xuất nông nghiệp theo hướng hiện đại phù hợp với đường lối phát triển nông nghiệp, nông thôn, cụ thể là:

+ Thời hạn cho thuê đất nông nghiệp đối với hộ gia đình, cá nhân không quá 50 năm; hạn mức giao đất trồng cây hàng năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối cho mỗi hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp như sau: không quá 03 ha cho mỗi loại đất đối với tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thuộc khu vực Đông Nam bộ và khu vực đồng bằng sông Cửu Long; không quá 02 ha cho mỗi loại đất đối với tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác (Luật Đất đai năm 2013, tr.147-152).

+ Hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân không quá 10 lần hạn mức giao đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân đối với mỗi loại đất quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 129 của Luật này. Chính phủ quy định hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân phù hợp với điều kiện cụ thể theo từng vùng và từng thời kỳ (Luật Đất đai năm 2013, tr.153).

Với Luật Đất đai sửa đổi năm 2013, nhiều vướng mắc liên quan đến quan hệ sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp, như thời hạn, hạn mức giao quyền sử dụng đất đã phần nào được khắc phục, mở ra cơ chế để tập trung, tích tụ ruộng đất, tạo điều kiện thuận lợi cho việc đẩy

mạnh ứng dụng khoa học vào sản xuất, phát triển sản xuất hàng hóa, khai thác tối ưu các nguồn lực sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp.

Những thành tựu của nền nông nghiệp Việt Nam hiện nay là kết quả tổng hợp của hàng loạt chủ trương, chính sách đổi mới nông nghiệp của Đảng và Nhà nước Việt Nam. Tuy nhiên, cơ bản nhất vẫn là Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị năm 1988 và Luật Đất đai năm 1993. So sánh với thời kỳ trước Khoản 10 có thể nhận thấy nền nông nghiệp Việt Nam hiện nay đã có một bước tiến rất lớn.

Nếu như năm 1986, diện tích ruộng đất hoang lên đến 12.266,0 nghìn ha, diện tích trồng lúa là 5.688,6 nghìn ha thì đến năm 2013, diện tích trồng lúa là 7.899,4 nghìn ha (Tổng cục Thống kê, 2014, tr.373). Khoản 10 thực sự là một sự điều chỉnh lớn về quan hệ sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp ở nước ta, làm cho quan hệ sản xuất thực sự phù hợp với thực trạng phát triển của lực lượng sản xuất. Việc đổi mới quan hệ sản xuất đó không những đã huy động được hàng ngàn ha ruộng đất tham gia vào quá trình sản xuất mà còn làm cho hộ nông dân trở thành đơn vị kinh tế tự chủ, được đảm bảo về lợi ích cùng hàng loạt các cơ chế, điều kiện thuận lợi khác, do vậy đã tạo ra nhiều thay đổi lớn. Nếu như sản lượng lúa năm 1986 là 16.002,9 nghìn tấn, năng suất lúa là 28,1 tạ/ha, thì đến năm 2013 (sơ bộ) sản lượng lúa đã tăng lên 44.076,1 nghìn tấn, năng suất lúa đạt 55,8 tạ/ha (Tổng cục Thống kê, 2014, tr.373-383), tăng hơn rất nhiều so với thời kỳ trước Đổi mới. Đặc biệt là năm 2013, tổng sản phẩm trong nước đạt 176 tỷ USD; GDP bình quân

đầu người là 1960 USD (Bích Diệp, 2013), nước ta không còn là nước có thu nhập thấp nữa mà đã trở thành nước có mức thu nhập trung bình. Đây là những thành tựu chung của toàn bộ nền kinh tế, trong đó có sự đóng góp rất lớn của ngành nông nghiệp. Năm 2013, đóng góp của ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản vào GDP khoảng 18,38% (Tổng cục Thống kê, 2014, tr.146).

Có thể nói, chính sách nông nghiệp trong công cuộc đổi mới đã giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp, nhờ vậy mà các nguồn lực trong lĩnh vực nông nghiệp đã được giải phóng, huy động và khai thác hiệu quả. Nước ta không những đảm bảo được nhu cầu lương thực trong nước mà còn vươn lên vị trí hàng đầu về xuất khẩu nông sản.

3. Tuy nền nông nghiệp Việt Nam đã có sự phát triển mạnh mẽ trong những năm thực hiện đường lối đổi mới, nhưng thực tiễn nền nông nghiệp nước ta hiện nay vẫn còn đang đặt ra những vấn đề phức tạp, đòi hỏi phải tiếp tục đổi mới hơn nữa chính sách nông nghiệp mới có thể khắc phục được.

Thứ nhất, tư liệu sản xuất còn manh mún, nhỏ lẻ.

Có thể khẳng định rằng, đất đai manh mún, nhỏ lẻ là một trong những nguyên nhân chính khiến năng suất lao động trong nông nghiệp của Việt Nam luôn thấp nhất so với các nước trong khu vực và tăng rất chậm. Giá trị gia tăng nông nghiệp trên mỗi lao động của Việt Nam năm 2011 đạt chưa tới 400 USD/người, thấp hơn cả Lào và Campuchia (Trích theo: Xuân Thân, 2013). Trong cơ cấu

kinh tế, ngành nông nghiệp có tốc độ tăng giá trị gia tăng thấp so với công nghiệp, dịch vụ và chỉ chiếm tỷ trọng 18,4% trong GDP (năm 2013) nhưng lại sử dụng đến 47% tổng lao động xã hội (tỷ lệ này ở Thailand là 39%, Indonesia 35%, Trung Quốc 34%, Philippines 32%, Malaysia 11%, Hàn Quốc 6,5%, Singapore 1%) (Nguyễn Lê, 2015).

Có rất nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng này. *Thứ nhất*, diện tích đất sản xuất nông nghiệp hạn chế, lại phải chia đều cho một lượng người quá lớn (năm 2013, dân số nước ta khoảng 90 triệu người, trong đó số người trong độ tuổi lao động khoảng 52 triệu người) làm cho diện tích canh tác bình quân đầu người thấp. *Thứ hai*, quá trình giao ruộng khoán cũng như quá trình phân đất nông nghiệp cho nông dân luôn phải đảm bảo nguyên tắc công bằng. Với một địa bàn nhất định, độ màu mỡ của đất sản xuất là không giống nhau, khoảng cách với khu dân cư cũng có sự khác biệt. Do vậy, mỗi hộ nông dân sẽ nhận được nhiều mảnh ruộng để có thể đảm bảo một cách tương đối về độ màu mỡ, khoảng cách của các thửa ruộng...

Vấn đề trên đã luôn được Đảng, Nhà nước ta quan tâm giải quyết, thể hiện ở Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) về vấn đề nông nghiệp - nông dân - nông thôn, Nghị quyết Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) và Luật Đất đai năm 2013,... Tuy nhiên, theo ý kiến của một số nhà nghiên cứu, chủ trương và chính sách đất đai hiện còn mâu thuẫn giữa một bên là những nhóm chính sách tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình tập trung, tích tụ đất đai nhằm tăng hiệu quả kinh

tế, và bên kia là các nhóm chính sách hướng tới đảm bảo công bằng, ổn định xã hội, tránh phân hóa giàu nghèo (Xem: Xuân Thân, 2013). Mâu thuẫn này không có nghĩa là chúng ta sẽ không quan tâm thực hiện chính sách tích tụ đất đai, mà vấn đề là cần phải làm sao để tích tụ đất đai không dẫn đến tình trạng xung đột lợi ích giữa các bên. Theo chúng tôi, để thực hiện tốt quá trình tích tụ đất đai thì Nhà nước chỉ cần tạo ra cơ chế, chính sách và những quy định cần thiết khi tích tụ đất đai. Công việc còn lại sẽ do nông dân có ruộng và cá nhân, tổ chức muốn tích tụ đất đai tự quyết định. Nghĩa là, cá nhân, tổ chức nào muốn tích tụ đất đai sẽ phải trực tiếp thỏa thuận với nông dân có ruộng trên cơ sở tự nguyện và đảm bảo lợi ích các bên.

Thứ hai, xuất hiện tình trạng nông dân bỏ ruộng.

Thực tiễn ngành nông nghiệp hiện nay cho thấy, có những nơi đang diễn ra tranh chấp đất đai rất căng thẳng, nhưng có những nơi thì bỏ ruộng hoang, thậm chí trả lại cho chính quyền. Tình trạng này xuất hiện ở nhiều địa phương, chẳng hạn như ở huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Ủy ban nhân dân huyện này cho biết, đến nay huyện có 69,83 ha đất nông nghiệp bỏ hoang, với 1.170 hộ không có nhu cầu sản xuất nông nghiệp, trong đó đất cấy lúa bỏ hoang là 68,72 ha (với 1.159 hộ). Riêng xã Tiến Lộc có tới 41,14 ha đất nông nghiệp bỏ hoang lâu nay, với 747 hộ nông dân không có nhu cầu sản xuất nông nghiệp. Trong số đó có 65 hộ nông dân làm đơn trả ruộng cho ủy ban nhân dân xã, với diện tích 3,19 ha (Hà Đồng, 2014). Tình trạng tương tự cũng xảy ra ở nhiều địa

phương khác. Ước tính, diện tích ruộng bị bỏ hoang của các tỉnh phổ biến 100 ha/tỉnh, cá biệt như ở Hải Dương, Hưng Yên số diện tích lên tới 200 ha trở lên và xu hướng này còn đang tiếp tục tăng ([http://www.hoinongdanhungyen.org.vn/...](http://www.hoinongdanhungyen.org.vn/), 2014). Nguyên nhân của tình trạng này chủ yếu là do người lao động rời quê đến những nơi khác làm việc với thu nhập cao hơn (thường là các thành phố lớn, các khu công nghiệp,...); ngoài ra còn do tình trạng chi phí cho sản xuất nông nghiệp tăng cao, hoặc người nông dân chuyển sang làm nghề khác ngay tại địa phương với thu nhập cao hơn; đặc biệt là ở những vùng ven các đô thị lớn hiện nay, một bộ phận nông dân có đời sống khá giả, họ không còn thiết tha với nghề nông và không có nhu cầu sử dụng đất nông nghiệp, việc giữ lại đất nông nghiệp chỉ là để chờ được đền bù khi có quy hoạch,... Thực tế đó đang đòi hỏi chúng ta cần phải tiến hành tổng rà soát diện tích đất nông nghiệp, kiên quyết thu hồi ruộng đất bỏ hoang, ruộng đất của những người không có nhu cầu sử dụng để giao cho những tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng nhằm khai thác tối ưu những nguồn lực của nền sản xuất nông nghiệp.

Thứ ba, những tiêu cực, thiếu sót trong thu hồi đất nông nghiệp ở một số địa phương khiến cho người nông dân bất bình.

Trong quá trình phát triển kinh tế hiện nay, việc chuyển đổi mục đích sử dụng một phần đất nông nghiệp để phục vụ cho quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa là cần thiết. Tuy nhiên, do chính sách đền bù không thỏa đáng, hoặc do những tiêu cực, thiếu minh bạch trong thu hồi đất, nên việc thu hồi đất đai

thường gây ra sự bất bình trong một bộ phận dân cư, đặc biệt là người nông dân bị thu hồi đất. Theo Báo cáo kết quả giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật trong giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân đối với các quyết định hành chính về đất đai của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, đến tháng 11/2012, trong 528 vụ việc tồn đọng kéo dài có 509 vụ khiếu nại, 19 vụ tố cáo. Khiếu nại về đất đai là 422 vụ việc (chiếm 79,9%), trong đó bồi thường giải phóng mặt bằng, dự án thu hồi đất là 217 vụ việc (chiếm 51%) (Nguyễn Thanh Hải - Thảo Trang, 2014).

Trong quá trình thực hiện Khoản 10 và các chính sách, luật đất đai, người nông dân đã được giao ruộng đất - một tư liệu sản xuất không thể thiếu trong quá trình sản xuất nông nghiệp. Việc thu hồi đất nông nghiệp đồng nghĩa với việc họ mất đi một tư liệu sản xuất quan trọng. Do vậy, trong quá trình thu hồi đất hiện nay, một mặt phải khắc phục triệt để những tiêu cực, thiếu sót; một mặt phải đảm bảo lợi ích cho người nông dân, tránh tình trạng đền bù cho người nông dân một cách rẻ mạt rồi bán cho người khác với giá cao, đồng thời phải tránh tình trạng thu hồi đất của người nông dân mà không tạo ra cơ hội việc làm cho họ.

Như vậy, với những chủ trương, chính sách đất đai đúng đắn, nền nông nghiệp nước ta đã có bước phát triển quan trọng trong thời kỳ Đổi mới. Tuy nhiên, nhiều vấn đề đang đặt ra cũng đòi hỏi chúng ta phải tiếp tục đổi mới các chính sách phát triển nông nghiệp. Quá trình này cần đảm bảo sự phù hợp giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp; phải

giải quyết được bài toán: vừa có thể tập trung được tư liệu sản xuất trong nông nghiệp để tiến hành sản xuất hàng hóa quy mô lớn gắn với ứng dụng khoa học công nghệ hiện đại, vừa phải đảm bảo lợi ích và sự công bằng đối với người nông dân. Chỉ có như vậy chúng ta mới có thể huy động và khai thác hiệu quả các nguồn lực của nền sản xuất nông nghiệp □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (1982), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ V*, Nxb. Sự thật, Hà Nội.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (1987), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb. Sự thật, Hà Nội.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam (2007), *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
5. *Hiến pháp năm 2013*, Nxb. Lao động, Hà Nội, 2013.
6. *Luật Hợp tác xã (năm 1996)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996.
7. *Luật Đất đai (năm 1993)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993.
8. *Luật Đất đai năm 2003 (sửa đổi bổ sung năm 2009)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010.
9. *Luật Đất đai năm 2013*, Nxb. Lao động, Hà Nội, 2013.
10. Tổng cục Thống kê (1987), *Niên giám thống kê 1986*, Nxb. Thống kê, Hà Nội.

11. Tổng cục Thống kê (2014), *Niên giám thống kê 2013*, Nxb. Thống kê, Hà Nội.
12. Lê Thị Anh (2014), *Manh mún đất đai sản xuất nông nghiệp ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay*, http://www.trithucvaphattrien.vn/n1130_manh-mun-dat-dai-san-xuat-nong-nghiep-o-viet-nam-trong-giai-doan-hien-nay, ngày 25/8.
13. Bích Diệp (2013), *Thủ tướng: GDP bình quân đầu người năm 2013 đạt 1.960 USD*, <http://dantri.com.vn/kinh-doanh/thu-tuong-gdp-binh-quan-dau-nguoi-nam-2013-dat-1960-usd-811231.htm>, ngày 5/12.
14. Hà Đồng (2014), *Đưa vấn đề nông dân bỏ ruộng ra kỳ họp Quốc hội*, <http://tuoitre.vn/tin/chinh-tri-xa-hoi/20140331/dua-van-de-nong-dan-bo-ruong-ra-ky-hop-quoc-hoi/600740.html>, ngày 31/3.
15. Nguyễn Thanh Hải - Thảo Trang (2014), *Một số vấn đề về khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực đất đai*, <http://noichinh.vn/nghien-cuu-trao-doi/201404/mot-so-van-de-ve-khieu-nai-to-cao-va-giai-quyet-khieu-nai-to-cao-trong-linh-vuc-dat-dai-294276/>, ngày 5/4.
16. Nguyễn Lê (2015), *Thủ tướng: Năng suất lao động Việt Nam còn rất thấp*, <http://vneconomy.vn/thoi-su/thu-tuong-nang-suat-lao-dong-viet-nam-con-rat-thap-2015021310281390.htm>, ngày 20/2.
17. Đặng Phong (2012), *Tư duy kinh tế Việt Nam 1975-1989*, Nxb. Tri thức, Hà Nội.
18. Xuân Thân (2013), *Muốn phát triển nông nghiệp, phải tập trung đất đai?*, <http://vov.vn/kinh-te/muon-phat-trien-nong-nghiep-phai-tap-trung-dat-dai-290425.vov>, ngày 10/11.
19. *Báo động nông dân bỏ ruộng*, http://www.hoinongdanhungyen.org.vn/index.php?option=com_content&view=article&id=4353:bao-ng-vic-nong-dan-b-rung&catid=51:tin-tc-s-kin&Itemid=88, ngày 1/6.